

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS -ST

Ngày: 14-5-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và Bà Nguyễn Thị thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2025 và ngày 14/5/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 75/2024/TLST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX - ST ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 25/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2); Địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Tuấn V - Chuyên viên xử lý nợ.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng: Công ty cổ phần M1 (Mars); Địa chỉ : Tầng A, Tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Thanh H

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Duy H1, sinh năm 1988; Trú tại: xóm V, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 (V2) trình bày:* Ông Hoàng Duy H1 vay của V2, theo hai Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024, số tiền vay 1.200.000.000 (Bằng chữ: một tỷ hai trăm triệu đồng./.); thời hạn vay: 240 tháng (Bằng chữ: hai trăm bốn mươi tháng), tính từ ngày giải ngân vốn đầu tiên; Mục đích sử dụng vốn: Hoàn vốn xây sửa nhà không thay đổi kết cấu tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số F-48-115-168-C-II, tại đại chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình; Lãi suất trong hạn: 8.7 %/năm, lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, **giải ngân ngày 11/7/2024. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/07/2025. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân được Bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5 %/năm.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024; Số tiền vay: 60.000.000 (Bằng chữ: sáu mươi triệu đồng./.); Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: theo quy định của V2, lãi suất quá hạn áp dụng với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số F-48- 115-168-C-II, tại địa chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 890867, số vào sổ cấp GCN: CS01326 do sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 27/05/2021, chi tiết hợp đồng thế chấp 3598 ký ngày 03/07/2024. Số công chứng 3598, quyền số đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng C tỉnh Hòa Bình. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Mọi công trình tài sản khác được cải tạo xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hoàng Duy H1 đã trả V2 số tiền tạm tính đến ngày 03/01/2025 số tiền là 20.740.397 đồng (trong đó trả nợ gốc 10.729.438 đồng, trả lãi 10.010.959 đồng). Cụ thể: Đối với Hợp đồng vay số LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024, tính đến ngày 03/01/2025, ông Hoàng Duy H1 đã trả được tổng số tiền 10.010.959 đồng (trong đó trả gốc: 0 đồng, trả lãi: 10.010.959 đồng). Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ

tín dụng ký ngày 21/06/2024, tính đến ngày 03/01/2025, ông Hoàng Duy H1 đã trả được tổng số tiền 10.729.438 đồng (trong đó trả gốc: 10.729.438 đồng, trả lãi: 0 đồng).

Từ ngày 16/9/2024 ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn. Vì vậy V2 đã khởi kiện ra Tòa, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Hoàng Duy H1 phải trả cho V2 toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 03/01/2025 là 1,315,262,918 đồng (Bằng chữ: một tỷ ba trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm mười tám đồng); trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng LN2406212997955 là: 1.256.347.397 đồng (nợ gốc: 1.200.000.000 đồng; nợ trong hạn: 9.152.877, lãi quá hạn: 47.194.520 đồng); nợ của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 là: 58.915.521 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn: 9.644.959 đồng)

Tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa V2 và ông Hoàng Duy H1 tính đến ngày ông H1 thực tế trả hết nợ cho V2.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V3 trình bày: Ngày 28/03/2025, theo Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1. V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1, cụ thể như sau:

- Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2406212997955 ký ngày 03/07/2024;
- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ ký ngày 21/06/2024.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V2 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V2 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M1.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, tính đến ngày 14/05/2025, ông Hoàng Duy H1 đã trả được tổng số tiền: 20,740,397 đồng (Trong đó: Trả nợ gốc: 10,729,438 đồng; Trả nợ lãi: 10,010,959 đồng). Ông Hoàng Duy H2 nợ V2 số tiền tạm tính đến ngày 14/05/2025 tổng số tiền: 65.627.589 đồng. Cụ thể như sau: Nợ gốc 60,000,000 đồng, lãi trong hạn: 457,644 đồng, lãi quá hạn: 5,169,945 đồng.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: đại diện Công ty cổ phần M1 (M1) trình bày: Ngày 28/03/2025, theo Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1. V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh*

theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1, cụ thể như sau:

- Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2406212997955 ký ngày 03/07/2024;
- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thể ký ngày 21/06/2024.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V2 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Quá trình thực hiện các Hợp đồng nêu trên, tạm tính đến ngày 14/05/2025, ông Hoàng Duy H1 đã trả được tổng số tiền: 20,740,397 đồng (Trong đó: Trả nợ gốc: 10,729,438 đồng; Trả nợ lãi: 10,010,959 đồng). Ông Hoàng Duy H2 nợ Công ty M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/05/2025 là: 1,316,457.273 đồng (Trong đó nợ Hợp đồng tín dụng là: 1.246.924.192 đồng (nợ gốc: 1.140.000.000 đồng, lãi trong hạn: 8.695.233 đồng, lãi quá hạn: 98.228959 đồng); Nợ Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thể: 69.533.081 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn: 20.262.519 đồng)

Trường hợp ông Hoàng Duy H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho V2, Công ty cổ phần M1 (M1) thì V2, M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số F-48-115- 168-C-II, tại đại chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 890867, sổ vào sổ cấp GCN: CS01326 do sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 27/05/2021 mang tên ông Hoàng Duy H1, chi tiết hợp đồng thế chấp 3598 ký ngày 03/07/2024. Số công chứng 3598, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng C1 tỉnh Hòa Bình. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng V3 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định với số tiền 5.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Hoàng Duy H1: Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, B tự khai ông H1 trình bày:* Ông xác nhận có vay C2 số tiền 1.200.000.000 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2406212997955, ký ngày 03/7/2024, với thời hạn cho vay là 240 tháng để xây sửa nhà. Ngoài ra ông còn vay nợ thẻ tín dụng với số tiền khoảng hơn 50.000.000 đồng. Tính đến ngày 18/11/2024 ông còn nợ V2 tổng số tiền 1.280.730.295, trong đó nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, nợ lãi cộng phí là 26.525.868 đồng và dư nợ thẻ tín dụng 54.210.427 đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên ông có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 190, tờ bản đồ số F-48- 115-168-C-II, tại địa chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình, được sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp cho ông ngày 27/05/2021 mang tên Hoàng Duy H1. Quá trình thực hiện Hợp

đồng, ông vẫn trả lãi hàng tháng cho đến khoảng tháng 9/2024. Do Công ty ông gặp khó khăn ông không có điều kiện trả nợ lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ vay tại thời điểm đó. Nay Ngân hàng làm đơn khởi kiện ông đồng ý trả nợ phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức LN 406212997955 ký ngày 03/7/2024 và số dư nợ thẻ tín dụng.

Từ thời điểm ngày 28/03/2025 V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1 theo Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1, ông Hoàng Duy H1 đã được thông báo nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày của ông H1 về vấn đề này.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 3, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 118, 119, 293, 295, 298, 299 khoản 3 Điều 305, Điều 307, Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 90, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 100 Luật tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày /01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V2 về việc buộc ông Hoàng Duy H1 phải trả cho V2 số tiền tính đến ngày 14/5/2025 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 tổng số tiền là: 65.627.589 đồng. Trong đó: nợ gốc 60,000,000 đồng, lãi trong hạn: 457,644 đồng, lãi quá hạn: 5,169,945 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Hoàng Duy H1 còn phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 cho đến khi tất toán khoản vay. Và có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M1 về việc buộc ông Hoàng Duy H1 phải trả cho Công ty M1 số tiền tính đến ngày 14/5/2025 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 tổng số tiền là: 1,316,457.273 đồng (Trong đó nợ Hợp đồng tín dụng là: 1.246.924.192 đồng (nợ gốc: 1.140.000.000 đồng, lãi trong hạn: 8.695.233 đồng, lãi

quá hạn: 98.228959 đồng); Nợ Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ: 69.533.081 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn: 20.262.519 đồng). Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Hoàng Duy H1 còn phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 cho đến khi tất toán khoản vay. Và có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Duy H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: V2 khởi kiện ông Hoàng Duy H1 về hợp đồng tín dụng được xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn Hoàng Duy H1 hiện đang cư trú ở xóm V, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định phạm vi khởi kiện của nguyên đơn: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, nên hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa dân sự sơ thẩm hợp lệ đến các đương sự: Bị đơn ông Hoàng Duy H1 không đến làm việc tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Nội dung vụ án: Ngày 21/06/2024 V2 và ông Hoàng Duy H1 cùng nhau ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng với số tiền: 60.000.000 (Bằng chữ: sáu mươi triệu đồng.); Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng; Lãi suất trong hạn: theo quy định của V2, lãi suất quá hạn áp dụng với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày 03/7/2024 V2 và ông H1 lại tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967), số tiền vay 1.200.000.000, thời hạn vay: 240 tháng tính từ ngày giải ngân vốn đầu tiên; Lãi suất trong hạn: 8.7 %/năm, lãi

suất cho vay trong hạn được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/07/2025, giải ngân ngày 11/7/2024.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hoàng Duy H1 đã trả V2 số tiền là 20.740.397 đồng (trong đó trả nợ gốc 10.729.438 đồng, trả lãi 10.010.959 đồng). Từ ngày 16/9/2024 ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn. Vì vậy V2 đã khởi kiện ra Tòa, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Hoàng Duy H1 phải trả cho V2 toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 03/01/2025 là 1,315,262,918 đồng (Bằng chữ: một tỷ ba trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm mười tám đồng); trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng LN2406212997955 là: 1.256.347.397 đồng (nợ gốc: 1.200.000.000 đồng; nợ trong hạn: 9.152.877, lãi quá hạn: 47.194.520 đồng); nợ của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 là: 58.915.521 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn: 9.644.959 đồng). Tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa V2 và ông Hoàng Duy H1 tính đến ngày ông H1 thực tế trả hết nợ cho V2. Trường hợp ông Hoàng Duy H1 không trả được nợ thì V2 có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/03/2025, theo Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1. V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1, cụ thể như sau:

- Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2406212997955 ký ngày 03/07/2024;
- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ ký ngày 21/06/2024.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V2 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955, Hợp đồng thế chấp 3598 ký ngày 03/07/2024 được ký giữa V2 và ông Hoàng Duy H1; Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS, Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1 trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ quy định của pháp luật về nội dung và hình thức được quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 Bộ luật dân sự. Do đó, các bên tham gia giao dịch này có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V2: Yêu cầu ông Hoàng Duy H1 phải trả cho V2 toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 03/01/2025 là 1,315,262,918 đồng (Bằng chữ: một tỷ ba trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm mười tám đồng); trong đó nợ của Hợp đồng tín dụng LN2406212997955 là: 1.256.347.397 đồng (nợ gốc: 1.200.000.000 đồng; nợ trong hạn: 9.152.877, lãi quá hạn: 47.194.520 đồng); nợ của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 là: 58.915.521 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn: 9.644.959 đồng). Tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa V2 và ông Hoàng Duy H1 tính đến ngày ông H1 thực tế trả hết nợ cho V2.

Tại bản tự khai đề ngày 14/5/2025 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V3 trình bày: Ngày 28/03/2025, theo Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1. V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1, cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2406212997955 ký ngày 03/07/2024; Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ ký ngày 21/06/2024. Vì vậy tính đến ngày 14/5/2025 V2 yêu cầu ông Hoàng Duy H1 phải trả cho V2 tổng số tiền: 65.627.589 đồng. Trong đó: nợ gốc 60,000,000 đồng, lãi trong hạn: 457,644 đồng, lãi quá hạn: 5,169,945 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Hoàng Duy H1 còn phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất có ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 03/7/2024 số tiền vay 1.200.000.000 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ ngày 21/6/2024 số tiền vay 60.000.000 đồng. Lãi suất, thời hạn vay theo như hợp đồng và giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ. Thế chấp với tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số F-48- 115-168-C-II, tại địa chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 890867, sổ vào sổ cấp GCN: CS01326 do sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 27/05/2021 mang tên ông Hoàng Duy H1, chi tiết hợp đồng thế chấp 3598 kí ngày 03/07/2024. Số công chứng 3598, quyền số đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hoàng Duy H1 xác nhận có vay của V2 theo Hợp đồng tín dụng ngày 03/7/2024 số tiền 1.200.000.000 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ ngày 21/6/2024 số tiền 60.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân và làm nhà. Tuy nhiên đến khoảng tháng 9/2024 do Công ty ông gặp khó khăn không có điều kiện trả nợ lãi cho V2 theo đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký nên đã vi phạm nghĩa vụ vay tại thời điểm đó. Nay ngân hàng làm đơn khởi kiện ông đồng ý trả nợ phát

sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức LN 406212997955 ký ngày 03/7/2024 và số nợ theo dư nợ thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024.

Hội đồng xét xử xét thấy theo như các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa ông Hoàng Duy H1 và V2 thì ông Hoàng Duy H1 đồng ý thực hiện mọi nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 với V2 nên ông H1 phải có trách nhiệm trả nợ cho V2. Căn vào các Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V2 buộc ông Hoàng Duy H1 phải trả nợ cho V2 với tổng số tiền đến ngày 14/5/2025 là: 65.627.589 đồng. Trong đó: nợ gốc 60,000,000 đồng, lãi trong hạn: 457,644 đồng, lãi quá hạn: 5,169,945 đồng. Ngoài ra ông Hoàng Duy H1 còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho V2.

[2.2.] Xét yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng - Công ty M1 về việc buộc ông Hoàng Duy H1 phải trả cho Công ty M1 số tiền tính đến ngày 14/5/2025 theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 tổng số tiền là: 1,316,457.273 đồng (Trong đó nợ Hợp đồng tín dụng là: 1.246.924.192 đồng (nợ gốc: 1.140.000.000 đồng, lãi trong hạn: 8.695.233 đồng, lãi quá hạn: 98.228959 đồng); Nợ giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ: 69.533.081 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn: 20.262.519 đồng). Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Hoàng Duy H1 còn phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

Nguyên đơn V2 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng - Công ty M1 thống nhất ngày 28/03/2025 có ký kết Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1. V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1, cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay

số: LN2406212997955 ký ngày 03/07/2024. Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ ký ngày 21/06/2024. Trong trường hợp anh Hoàng Duy H1 không trả được nợ thì Công ty M1 được xử lý tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số F-48- 115-168-C-II, tại địa chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 890867, sổ vào sổ cấp GCN: CS01326 do sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 27/05/2021, chi tiết hợp đồng thế chấp 3598 ký ngày 03/07/2024. Số công chứng 3598, quyền sở đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn ông Hoàng Duy H1 xác nhận có vay của V2 theo Hợp đồng tín dụng ngày 03/7/2024 số tiền 1.200.000.000 đồng và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ ngày 21/6/2024 số tiền 60.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân và làm nhà và có thể chấp tài sản bảo đảm là nhà và đất tại thửa đất 190 đứng tên anh Hoàng Duy H1. Nên đây là tình tiết không cần chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy theo như các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa anh Hoàng Duy H1 và V2 thì anh Hoàng Duy H1 đồng ý thực hiện mọi nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nên anh H1 phải có trách nhiệm trả cho V2 số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Tuy nhiên ngày 28/03/2025, theo Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1. V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1, cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số: LN2406212997955 ký ngày 03/07/2024; Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ ký ngày 21/06/2024. V2, Công ty M1 và Tòa án đã thông báo cho ông Hoàng Duy H1, ông H1 không có ý kiến gì về việc mua bán nợ này nên ông H1 phải có trách nhiệm trả cho Công ty M1 số tiền mà Công ty M1 đã mua khoản nợ của ông tại V2. Căn vào các Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty M1 buộc ông Hoàng Duy H1 phải trả nợ cho Công ty M1 với tổng số tiền đến ngày 14/5/2025 tổng số tiền là: 1,316,457.273 đồng (Trong đó nợ Hợp đồng tín dụng là: 1.246.924.192 đồng (nợ gốc: 1.140.000.000 đồng, lãi trong hạn: 8.695.233 đồng, lãi quá hạn: 98.228959 đồng); Nợ giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ: 69.533.081 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn:

20.262.519 đồng). Ngoài ra ông Hoàng Duy H1 còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 và Giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ ký ngày 21/06/2024. kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Công ty M1

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng được ký ngày 03/7/2024, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ ngày 21/6/2024 được ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1. Ông H1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản với V2, thế chấp tài sản là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số F-48-115- 168-C-II, tại đại chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 890867, số vào sổ cấp GCN: CS01326 do sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 27/05/2021 mang tên Hoàng Duy H1, chi tiết hợp đồng thế chấp 3598 kí ngày 03/07/2024. Số công chứng 3598, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng C1 tỉnh Hòa Bình. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay. Mặt khác khi V2 đồng ý bán và Công ty M1 đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo (các) Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Hoàng Duy H1 thì Công ty M1 kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V2 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo.

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng thế chấp nêu trên đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 293, Điều 295, Điều 298 Bộ luật dân sự nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, việc V2, Công ty M1 yêu cầu trường hợp kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hoàng Duy H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì V2, Công ty M1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho V2, Công ty M1 là phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 nên có cơ sở chấp nhận. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Duy H1 đối với V2, Công ty M1 nếu không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V2, Công ty M1 là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 305, khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự là có cơ sở chấp nhận.

Chi phí tố tụng: V2 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định với số tiền 5.000.000 đồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này và không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Hoàng Duy H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Các điều 116, 117, 118, 119, 293, 295, 298, 299, 280, 305, 307, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V1 của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng - Công ty cổ phần M1 (M) đối với bị đơn anh Hoàng Duy H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

1. Buộc anh Hoàng Duy H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền số tiền đến ngày 14/5/2025 tổng số tiền là 65.627.589 đồng. Trong đó: nợ gốc 60.000.000 đồng, nợ lãi: 5.627.589 đồng.

2. Buộc anh Hoàng Duy H1 phải trả ccho Công ty M1 với tổng số tiền đến ngày 14/5/2025 tổng số tiền là: 1.316.457.273 đồng (Trong đó nợ Hợp đồng tín dụng là: 1.246.924.192 đồng (nợ gốc: 1.140.000.000 đồng, nợ lãi: 106.924.192 đồng); Nợ giấy đề nghị cấp Hạn mức tín dụng thẻ: 69.533.081 đồng (nợ gốc: 49.270.562 đồng, lãi quá hạn: 20.262.519 đồng).

Kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Duy H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: LN2406212997955 (LD2419300967) ký ngày 03/7/2024 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành thẻ tín dụng ký ngày 21/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP V1 ký với ông Hoàng Duy H1; Hợp đồng mua bán nợ số: 03/2025/VPB-MARS; Hợp đồng chuyển nhượng số: 04/2025/VPB-MARS và Phụ lục kèm theo (nếu có) ký giữa V2 với Công ty M1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay,

thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hoàng Duy H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V1, Công ty M1. có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1, Công ty M1. Tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 190, tờ bản đồ số F-48-115- 168-C-II, tại địa chỉ xóm V, xã T, huyện L, Tỉnh Hòa Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 890867, sổ vào sổ cấp GCN: CS01326 do sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 27/05/2021 mang tên Hoàng Duy H1, chi tiết hợp đồng thế chấp 3598 kí ngày 03/07/2024. Số công chứng 3598, quyền số 04/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng C1 tỉnh Hòa Bình. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Hoàng Duy H1 đối với Ngân hàng TMCP V1, Công ty M1. Nếu số tiền thu được từ bán xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Hoàng Duy H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1, Công ty M1.

3. Về án phí: Ông Hoàng Duy H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 53.462.546 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí là 25.211.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005067, ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thị Lan Anh

